

Hao hụt đối tượng nghiên cứu trong nghiên cứu “Những Cuộc Đời Trẻ Thơ” - giai đoạn 2002 – 2004

Trần Đức Thạch, Trần Thu Hà và Trần Tuấn*



Ảnh: TL

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giá trị thông tin của các nghiên cứu panel (điều tra lặp đi lặp lại trên cùng một nhóm đối tượng) cho phép phân tích mối quan hệ nguyên nhân-kết quả mà các nghiên cứu điều tra cắt ngang (cross-sectional survey - làm một lần, không lặp lại) không thể trả lời được. Tuy nhiên, một khó khăn phải đối mặt trong nghiên cứu panel hay các nghiên cứu theo chiều dọc nói chung (longitudinal study, cohort study) là tình trạng hao hụt số đối tượng theo thời gian nghiên cứu, do việc biến động dân số cơ học (chết, di chuyển) hoặc tình trạng bỏ cuộc. Do không thể thay thế bằng những đối tượng khác, tình trạng hao hụt đối tượng có ảnh hưởng trực tiếp làm sai lệch kết quả nghiên cứu đưa ra (Young Lives, 2001). Thời gian nghiên cứu càng dài, tình trạng hao hụt đối tượng càng tăng.

1. Bài viết này sử dụng một phần thông tin từ bài viết chuyên đề “Tình hình di biến động của trẻ trong Young Lives”(Trần Đức Thạch, Trần Thu Hà, Trần Tuấn và Trudy Harpham 2004; tài liệu lưu hành nội bộ, SCUK, London)

* Các tác giả thuộc Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Phát triển cộng đồng (RTCCD)

Đối phó với tình trạng này, các nghiên cứu quốc tế dài hạn bắt buộc phải thực hiện tiến trình theo dõi đối tượng. Một số nhà nghiên cứu cho rằng làm tốt việc theo dõi sự di biến động của đối tượng thì 20-45% đối tượng đã di cư có thể tiếp tục được điều tra trong các vòng tiếp theo (Alderman et al., 2000, Young Lives, 2001).

Đối với nghiên cứu Nhũng Cuộc Đời Trẻ Thơ, thành công trong quá trình theo dõi đối tượng nghiên cứu là vô cùng quan trọng, do giả thiết của nghiên cứu là phúc lợi của trẻ em bị ảnh hưởng rất nhiều bởi cuộc sống gia đình nơi các em đang sinh sống, bởi khả năng tiếp cận dịch vụ và chất lượng của các dịch vụ cơ bản như y tế và giáo dục, và bởi mối liên kết trong cộng đồng và các mạng lưới xã hội xung quanh trẻ. Chúng ta phải dựa vào quá trình theo dõi tất cả các đối tượng trong suốt thời gian nghiên cứu, để xác định xem các yếu tố này ảnh hưởng thế nào tới trẻ em nghèo (Tuan et al., 2003).

Bài viết này trình bày kết quả theo dõi tình trạng hao hụt đối tượng nghiên cứu, trong nghiên cứu Nhũng Cuộc Đời Trẻ Thơ thực hiện tại 5 tỉnh Lào Cai, Hưng Yên, Đà Nẵng, Phú Yên và Bến Tre. Kết quả phân tích sẽ giúp các nhà nghiên cứu trong tương lai, có chiến lược chọn mẫu và theo dõi di biến động của đối tượng hợp lý, nhằm đảm bảo số lượng và chất lượng thông tin điều tra.

2. THEO DÕI ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU TRONG DỰ ÁN “NHÜNG CUỘC ĐỜI TRẺ THƠ” TẠI VIỆT NAM

Hoạt động theo dõi di cư và biến động về đối tượng, của nghiên cứu Nhũng Cuộc Đời Trẻ Thơ tại Việt Nam, được Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Phát triển Cộng đồng (RTCCD), phối hợp với các ban quản lý dự án của từng tỉnh thực hiện thông qua nhiều cách khác nhau.

Trước hết, dựa vào hệ thống báo cáo định kỳ của mạng lưới cán bộ Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em các cấp tỉnh, huyện, xã và cộng tác viên. Hàng quý cộng tác viên xã thông báo trực tiếp đến văn phòng dự án tại trung tâm RTCCD về tình hình biến động của các hộ gia đình có trẻ trong diện nghiên cứu.

Song song với cách làm trên, văn phòng dự án những Cuộc Đời Trẻ Thơ tại RTCCD thực hiện liên lạc trực tiếp với hộ gia đình của đối tượng nghiên cứu, qua thư thăm hỏi 1 năm/lần. Gửi kèm theo thư là một phong bì dán tem sẵn, với yêu cầu gia đình phúc đáp lại thư đã nhận theo mẫu đính kèm.

Cuối cùng, vào cuối vòng điều tra thứ nhất, RTCCD thực hiện một cuộc thăm hộ gia đình với tất cả các đối tượng (3000 trẻ) vào tháng 9/2004. Nhóm điều tra viên RTCCD phối hợp với ban điều hành dự án tỉnh và huyện, trực tiếp thăm hộ gia đình và kiểm tra lại các thông tin cơ bản liên quan đến trẻ, hộ gia đình và nơi ở thực tại của trẻ.

3. THỰC TRẠNG VỀ TÌNH TRẠNG DI BIẾN ĐỘNG CỦA ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. Di biến động phân theo nhóm nguyên nhân chính

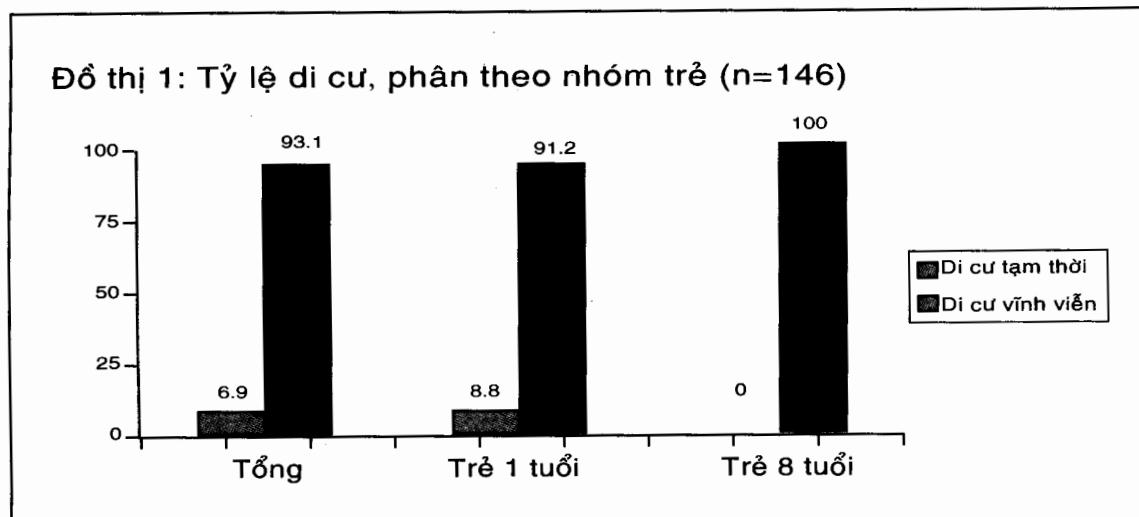
Kết quả theo dõi tổng hợp cho thấy, sau 2 năm kể từ vòng điều tra 2002, có 156 trường hợp di biến động, đưa lại tỷ lệ di biến động chung tính trên toàn bộ 3000 đối tượng nghiên cứu là 5%. Trong đó, nguyên nhân hàng đầu là di chuyển khỏi nơi ở cũ (146 trường hợp, chiếm 4,9%), tiếp đến là nguyên nhân trẻ chết (7 trẻ, chiếm 0,24%). Tiếp sau cùng là tỷ lệ từ chối không tiếp tục tham gia (3 hộ gia đình, chiếm 0,1%). Nhóm hộ gia đình trẻ 1 tuổi di biến động nhiều hơn nhóm hộ gia đình trẻ 8 tuổi (6% so với 4%). Tuy nhiên, sự từ chối tham gia lại xảy ra nhiều hơn ở nhóm trẻ 8 tuổi (0,2%) so với nhóm trẻ 1 tuổi (0,05%) (Bảng 1):

Bảng 1: Tỷ lệ trẻ chết, từ chối và di cư khỏi địa bàn sinh sống cũ phân theo nhóm đối tượng nghiên cứu 1 tuổi và 8 tuổi

	Tổng (N=3000)	Nhóm Trẻ 1 tuổi (N=2000)	Nhóm trẻ 8 tuổi (N=1000)
	n	n	n
	%	%	%
Di chuyển khỏi nơi ở cũ	146	114	32
Trẻ chết	7	6	1
	0,24%	0,3%	0,1%
Hộ gia đình từ chối	3	1	2
	0,1%	0,05%	0,2%
Tổng số di biến động	156	121	35
	5%	6%	4%

Đồ thị 1 biểu thị sự phân bố loại di cư theo nhóm tuổi của trẻ. Trong số 146 trẻ di cư khỏi nơi ở cũ, đại đa số là di cư vĩnh viễn (không có ý định quay trở lại nơi ở cũ) (136 trường hợp, chiếm 93,1%), trong đó có 2 trường hợp ra nước ngoài (Mỹ và Cộng hoà Séc). Số còn lại là là di cư tạm thời (6,9%- 10/146), tức là, trẻ rời khỏi nhà, đến nơi khác ở (nhà ông, bà, cô dì, chú bác bên nội hoặc ngoại), nhưng gia đình khẳng định trẻ sẽ trở về nơi ở cũ trong vòng 1 năm. Cả 10 trẻ này đều thuộc nhóm trẻ 1 tuổi.

Đồ thị 1: Tỷ lệ di cư, phân theo nhóm trẻ (n=146)



3.2. Di biến động phân theo tỉnh

Theo địa phương, tỷ lệ di biến động cao nhất, ở Đà Nẵng (11%), và thấp nhất ở Bến Tre (2%). Thành phố Đà Nẵng có tỷ lệ hộ gia đình chuyển khỏi nơi ở cũ cao nhất chủ yếu do nguyên nhân đô thị hóa di chuyển dân để có chỗ xây dựng các công trình phúc lợi của thành phố (bảng 2).

Bảng 2: Tỷ lệ trẻ chết, từ chối và di cư khỏi địa bàn sinh sống cũ phân theo địa bàn nghiên cứu

Nguyên nhân	Phú Yên (N=600)	Bến Tre (N=600)	Lào Cai (N=600)	Hưng Yên (N=600)	Đà Nẵng (N=600)	Tổng (N=3000)
	n	n	n	n	n	n
	%	%	%	%	%	%
Di chuyển	24	14	28	18	62	146
khỏi nơi ở cũ	4,0%	2,3%	4,7%	3,0%	10,3%	4,9%
Trẻ chết	1	0	3	2	1	7
	0,17%	0%	0,51%	0,34%	0,17%	0,24%
Hộ gia đình	0	0	0	1	2	3
từ chối	0%	0%	0%	0,17%	0,34%	0,1%
Tổng số di biến động	25	14	31	21	65	156
biến động	4%	2%	5%	4%	11%	5%

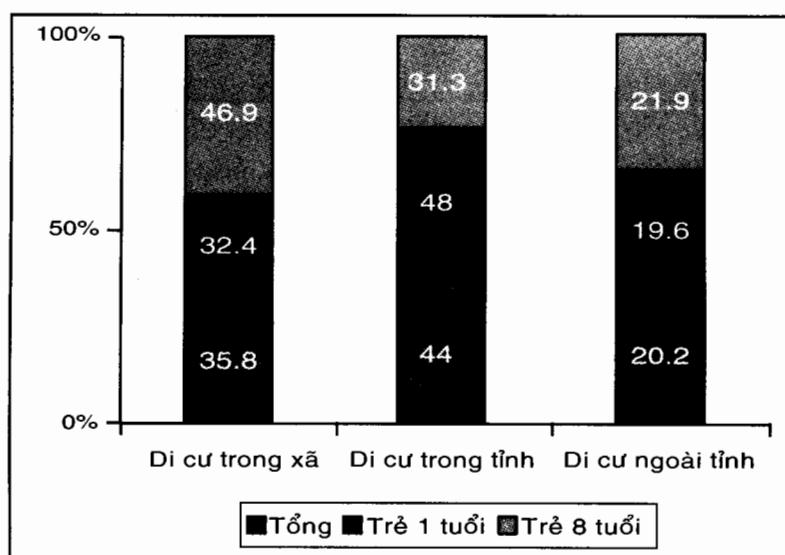
3.3 Di biến động phân theo nơi chuyển đến

Đồ thị 2 cho thấy khoảng 80% (107/134 trẻ) di chuyển chỗ ở trong phạm vi xã và nội bộ tỉnh thuộc phạm vi nghiên cứu Những Cuộc Đời Trẻ Thơ.

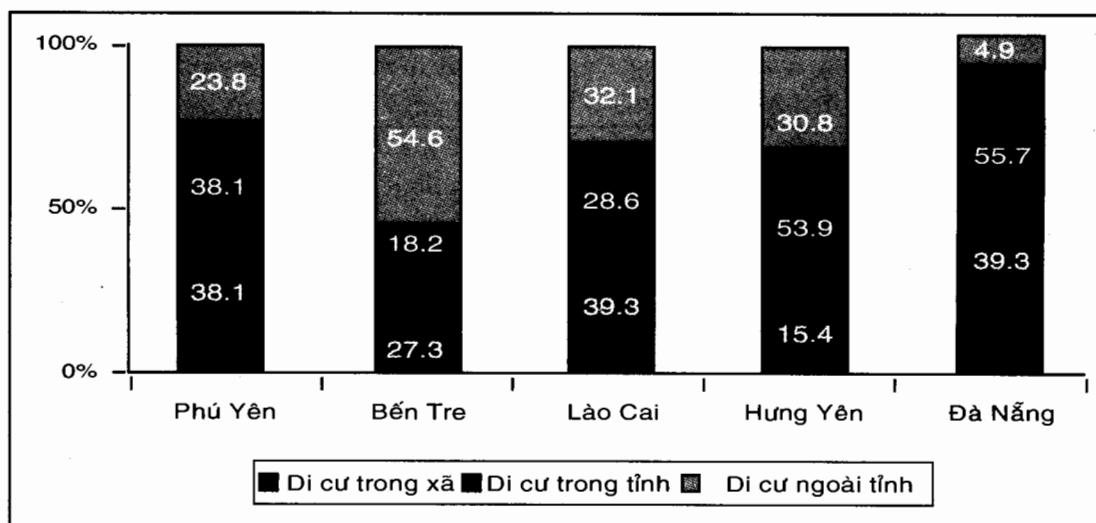
Tỷ lệ di cư ra ngoài tỉnh cao nhất ở Bến Tre, Lào Cai và Hưng Yên. Tuy có tỷ lệ chuyển

khỏi nơi ở cũ cao nhất (10,3%), phần lớn các hộ gia đình đổi tương nghiên cứu tại Đà Nẵng (95%) chỉ di chuyển trong phạm vi thành phố (đồ thị 3).

Đồ thị 2: Nơi di cư vĩnh viễn, phân theo nhóm trẻ (n=134)



Đồ thị 3: Nơi di cư vĩnh viễn, phân theo vùng nghiên cứu (n=134)



3.4. Tổng kết tình trạng biến động đổi tương sau 2 năm

Sau 2 năm kể từ vòng điều tra lần 1 năm 2002, tỷ lệ mất đổi tương lớn nhất của nghiên cứu Những Cuộc Đời Trẻ Thơ chiếm 3,3%, trong đó tỷ lệ mất vĩnh viễn (khả năng mất nhỏ nhất) đã được khẳng định là 0,4% (trẻ chết và hộ gia đình di chuyển đi nước ngoài).

Bảng 3: Tổng kết số lượng hao hụt và dự đoán số đối tượng còn lại vào năm 2015

	Trẻ 1 tuổi (n=2000)	Trẻ 8 tuổi (n=1000)	Tổng (N=3000)
(a) Chết	6 (0,3%)		
	1 (0,1%)	7 (0,2%)	
(b) Từ chối tham gia	1 (0,05%)		
	2 (0,2%)	3 (0,1%)	
(c) Di cư đi nước ngoài			
-không điều tra được ở vòng 2	2 (0,1%)	0	2 (0,1%)
(d) Di chuyển trong các xã YL			
- điều tra tiếp ở vòng 2	33 (1,7%)	15 (1,5%)	48 (1,6%)
(e) Di chuyển ngoài xã YL			
- vẫn điều tra tiếp ở vòng 2	69 (3,5%)	17 (1,7%)	86 (2,9%)
(f) Tổng di chuyển			
vĩnh viễn = (c+d+e)	104 (5,2%)	32 (3,2%)	136 (4,5%)
Tổng hao hụt nhỏ nhất - không điều			
tra tiếp ở vòng 2 = (a+b+c)	9 (0,5%)	3 (0,3%)	12 (0,4%)
Tổng hao hụt lớn nhất - không			
điều tra tiếp ở vòng 2 = (a+b+c+e)	78 (3,9%)	20 (2%)	98 (3,3%)
Dự đoán số trẻ còn lại năm 2015			
- khả năng hao hụt nhỏ nhất	1942 (97%)	981 (98%)	2923 (97%)
Dự đoán số trẻ còn lại năm 2015			
- khả năng hao hụt lớn nhất	1548 (77%)	889 (89%)	2437 (81%)

So với 48.6% số thư hồi âm nhận được từ các hộ gia đình vào tháng 1/2004 (sau 6 tháng kể từ ngày RTCCD gửi thư đến 2000 hộ gia đình), kết quả điều tra di biến động vào tháng 9/2004 và những nỗ lực của CTV dân số đưa lại con số chính xác hơn.

4. BÀN LUẬN

Ở các nước phát triển, tình hình mất đối tượng nghiên cứu không phải là một vấn đề lớn bởi các nước phát triển có hệ thống thông tin theo dõi rất chặt chẽ trên mạng máy tính qua hệ thống ngân hàng và hồ sơ cá nhân lưu trữ an ninh. Trừ trường hợp đối tượng chết, từ chối tham gia hoặc cố tình lẩn tránh khỏi xã hội, các trường hợp di chuyển di cư đi nơi khác đều có thể tiếp tục điều tra qua thăm trực tiếp, gửi bảng hỏi đến đối tượng hoặc phỏng vấn trên điện thoại (Maluccio, 2000).

Ngược lại, mất đối tượng nghiên cứu lại là vấn đề đáng quan tâm ở các nước đang phát triển. Mặc dù không gặp phải khó khăn do đối tượng từ chối (bởi văn hoá các nước đang phát triển khiến người dân xem việc từ chối là một cách cư xử thô lỗ), tình trạng đô thị hoá diễn ra nhanh chóng và áp lực di cư tìm kiếm việc làm là những nguyên nhân chính khiến đối tượng thay đổi chỗ ở và sau đó việc theo dõi đối tượng hầu hết là bị gián đoạn. Nghiên cứu về gia đình tại Malaysian (1976-1988) mất 27% đối tượng trong 12 năm triển khai, trong đó 25% do di cư. Nghiên cứu Yaounde ở Cameroon mất 40% trong 2 năm đầu trong đó 22% do di cư. Nghiên cứu tại Bolivia (1996-1999) mất 35% đối tượng. Tỷ lệ mất đối tượng thấp nhất được báo cáo là 5% tại nghiên cứu ở Indonexia (1993-1998) trong đó 2% do di cư (Alderman et al., 2000, Young Lives, 2001).

Theo dõi di biến động của đối tượng nghiên cứu là một thử thách đối với các nghiên cứu lớn và dài hạn tại các nước đang phát triển. Tuy nhiên, đây là hoạt động nhất thiết phải làm, nhằm đảm bảo cở mẫu của nghiên cứu được bảo toàn ở mức cao nhất và thông tin đưa ra không bị sai số do sai lệch nhóm đối tượng.

Phối hợp 3 cách để cập nhật theo dõi di biến động đối tượng (điều tra, kết hợp hệ thống theo dõi của đội ngũ CTV dân số cơ sở và viết thư trực tiếp đến hộ gia đình) giúp nghiên cứu Những Cuộc Đời Trẻ Thơ theo dõi được toàn bộ số trẻ. Hệ thống theo dõi này cho thấy tình trạng di biến động của Việt Nam tương đương với các nước đang phát triển trên thế giới. Tuy nhiên, áp dụng hệ thống theo dõi phối kết hợp này đã góp phần làm giảm tỷ lệ hao hụt đối tượng. Tỷ lệ mất đối tượng lớn nhất của nghiên cứu trong vòng 2 năm chiếm 3,3%. Tỷ lệ mất nhỏ nhất 0,4%. Nếu không thay đổi tốc độ hao hụt, sau 15 năm triển khai nghiên cứu, số đối tượng mẫu còn lại là 2923 trẻ (tỷ lệ mất nhỏ nhất 0,4%/2 năm) hoặc 2437 trẻ (tỷ lệ mất lớn nhất 3,3%/2 năm).

Ngoài ra, để theo dõi được nơi di cư mới ngoài địa phận phường/xã nghiên cứu của các hộ gia đình đối tượng, trong từng vòng nghiên cứu chúng ta cần cập nhật địa chỉ liên lạc của người thân nhất của gia đình trẻ (họ hàng, bạn bè). Họ là nguồn thông tin quý giá giúp các nhà nghiên cứu có được đầu mối để tìm ra nơi ở mới của đối tượng. Sử dụng lịch treo tường hoặc phát tờ rơi hướng dẫn các gia đình cần liên hệ với ai khi đối tượng có ý định chuyển đi nơi khác cũng là một biện pháp hữu ích.

Chúng tôi không khuyến khích việc sử dụng phương thức viết thư trực tiếp đến hộ gia đình và nhận thư hồi âm để khẳng định kết quả di biến động của gia đình, vì tỷ lệ hồi âm ở Việt Nam rất thấp (dưới 50%). Tuy nhiên, phương thức này có tác động tâm lý tích cực đến hộ gia đình, khuyến khích hộ gia đình gắn kết hơn với nghiên cứu/dự án.

Giá trị của các cuộc nghiên cứu dài hạn nằm ở nhóm đối tượng đã được chọn từ ban đầu và được theo dõi liên tục. Do vậy, các nghiên cứu cần có chiến lược ngay từ ban đầu để theo dõi và bảo toàn nhóm đối tượng này.

Tài liệu tham khảo

- Alderman, H., Behrman, J., Kohler, H.-P., Maluccio, J., and Watkins, S, (2000) Attrition in Longitudinal Household Survey Data: Some Test For Three Developing-Country Samples,
- Maluccio, J, (2000) Attrition in the KwaZulu Natal Income Dynamics Study, 1993-1998, Washington, D,C,
- Tuan, T., Lan, P, T., Harpham, T., Huong, N, T., Thach, T, D., Tod, B., Dua, T, T, and Ha, N, T, V, (2003), Young Lives Preliminary Report: Vietnam, General Statistics Office, Save the Children UK, Research and Training Centre for Community Development, Hanoi
- Young Lives (2001) Young Lives: Approaches to Follow Up, UK